

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST

Ngày 28 - 4 - 2025

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trung Tính

Ông Đỗ Hồng Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tùng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 890/2024/DS-ST ngày 04/12/2024, về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025; Quyết hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc Ng, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 298, ấp H, xã LA, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1982. Địa chỉ: số 126C, khóm B, thị trấn L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Chị T vắng mặt có đơn).

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975 (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: số ..., khóm H, phường X, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ hiện nay: số 139H, ấp H, xã A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 139H, ấp H, xã A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Ngọc Ng (đại diện theo ủy quyền là chị Lê Thị Mỹ T) trình bày:

Nguyên tháng 10/2022, chị Ng có cho bà H và ông T vay tiền 100.000.000 đồng để xây quán Sông Quê, thỏa thuận khi nào xây quán xong sẽ đem bằng khoán đi vay Ngân hàng trả lại chị Ng nên chị Ng đồng ý.

Tháng 11/2022, vợ chồng bà H, ông T hỏi vay thêm số tiền 100.000.000 đồng để mua dàn máy hát karaoke phục vụ quán Sông Quê. Chị Ng với ông T, bà H thỏa thuận lãi suất sau hai khoảng vay là 4%/ tháng (thỏa thuận miệng); bà H, ông T hứa khi nào vay Ngân hàng sẽ trả lại cho chị. Sau khi quán Sông Quê xây xong thì chị yêu cầu bà H, ông T trả số tiền vay thì vợ chồng bà H, ông T vẫn không thực hiện như thỏa thuận. Đến ngày 01/6/2023 (DL) do chị của chị Ng có nợ bà H, ông T số tiền 50.000.000 đồng nên bà H, ông T yêu cầu cần trừ thì chị Ng đồng ý cần trừ. Sau đó bà H, ông T đề nghị viết biên nhận mới với số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng; đồng thời, bà H, ông T yêu cầu tính lãi suất 1%/ tháng và cam kết 06 tháng sau sẽ trả dứt điểm cho chị Ng.

Nhưng đến nay đã hết sáu tháng kể từ ngày 23/4/2024 đến ngày 23/10/2024 nhưng bà H và ông T vẫn không trả mặc dù chị Ng đã rất nhiều lần yêu cầu.

Nay chị Trần Ngọc Ng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ng số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2024 đến ngày 28/4/2025 với lãi suất 0,83%/ tháng x 12 tháng là 14.940.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 164.940.000 đồng.

- Bị đơn Nguyễn Thị Thu H vắng mặt có đơn nhưng có văn bản trình bày ý kiến: Bà H thừa nhận ngày 23/4/2024 bà H và ông T có vay tiền của chị Ng số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để xây quán Sông Quê, vợ chồng bà có trả cho chị Ng 50.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000 đồng. Do việc kinh doanh không thuận lợi nên không trả cho chị Ng được. Nay bà H đồng ý liên đới cùng ông T trả cho chị Ng số tiền 150.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Võ Thanh T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Chị T, bà H chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng ông T vắng mặt hòa giải và xét xử là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông T, bà H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà H, ông T có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi 14.940.000 đồng. Bị đơn bà H, ông T thừa nhận hiện nay còn nợ chị Ng số tiền gốc và lãi nêu trên. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp gì khác. Do đó, xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bà H, ông T có hộ khẩu thường trú tại số nhà 139H, ấp H, xã A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 23/4/2024 đến ngày 25/11/2024 nguyên đơn chị Ng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 150.000.000 đồng. Căn cứ vào quy định tại Điều 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án này vẫn còn.

[4]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T và Bị đơn Nguyễn Thị Thu H đều vắng mặt có đơn, còn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[5]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ng số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 14.940.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 23/4/2024 mà phía nguyên đơn chị Ng cung cấp đều thể hiện bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T có viết và ký họ tên trong biên nhận mà chị Ng cung cấp; hơn nữa bà H và ông T cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận nêu trên là của bà H và ông T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc cho vay này là có thật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu của chị Ng yêu cầu bà H và ông T trả tiền vay vốn gốc

150.000.000.000 đồng; chị Ng có cho bà H, ông T vay tiền có làm biên nhận cụ thể, bà H, ông T có ký tên, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận hai bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, lúc giao kết vay hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng vay được xem là hợp pháp. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng bà H và ông T chưa trả đầy đủ tiền cho chị Ng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Theo Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2.....”

Theo nguyên đơn chị Ng cho rằng bà H và ông T vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay vốn là để kinh doanh và xây dựng quán Sông Quê; chị Ng là cháu ông T do đó chị Ng đồng ý cho ông T, bà H vay thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Sau đó, ông T, bà H có trả chị Ng số tiền 50.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng có làm biên nhận ngày 23/4/2024. Hai bên thống nhất thời hạn trả là sáu tháng. Đến thời hạn trả chị Ng yêu cầu bà H, ông T trả nợ thì ông T, bà H không thực hiện mặc dù chị Ng đã nhiều lần yêu cầu; xét lời khai của chị Ng là có căn cứ, bởi vì: Theo Văn bản ý kiến đề ngày 10/3/2025 của bà Nguyễn Thị Thu H thừa nhận có nợ chị Ng số tiền nêu trên do kinh doanh không thuận lợi nên không có khả năng trả cho chị Ng, đồng thời cũng phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2024, thì ông T thừa nhận còn nợ số tiền gốc và tiền lãi chưa trả cho chị Ng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[6]. Đối với yêu cầu bà H và ông T liên đới: xét thấy ngày 23/4/2024 ông T, bà H có vay của chị Ng số tiền là 150.000.000 đồng cũng được phía bị đơn thừa nhận mục đích vay vốn để cất quán Sông Quê và đáo hạn Ngân hàng. Tại thời điểm, chị Ng cho vay tiền đến nay thì bà H, ông T là vợ chồng, và vẫn còn là vợ chồng, không có ly hôn. Sau đó, bà H và ông T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 169/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò; và theo xác nhận của Công an xã A, huyện Lập Vò cung cấp thông tin bà H thực tế sinh sống tại số 139H, ấp H, xã A, huyện Lập Vò. Mặt khác, biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều có chữ ký tên và viết họ và tên của bà H và ông T mục đích của việc vay tiền là để đầu tư kinh doanh phục vụ nhu cầu thiết yếu, sinh hoạt trong gia đình và theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”. Từ viện dẫn điều luật nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là những khoản nợ chung của vợ chồng bà H, ông T vay tiền nhằm mục đích kinh tế gia đình và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; quy định tại Điều 27 Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, bà H cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả cho chị Ng đối với khoản nợ nêu trên. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn chị Ng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng cho chị Ng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[7]. Xét yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà H, ông T trả tiền lãi với lãi suất là 0,83/tháng đối với số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2024 đến ngày 28/4/2025 là 12 tháng là 14.940.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên nhận ngày 23/4/2024 các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng đều được các bên thừa nhận, như vậy hợp đồng vay này xác định là có lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn chị Ng tự nguyện giảm phần lãi suất là 0,83%/ tháng, và yêu cầu tính lãi là tròn 12 tháng là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xác định tiền lãi như sau: Ngày 23/4/2024, số tiền vay 150.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng, tính từ ngày 23/4/2024 đến ngày 28/4/2025 là 12 tháng; số tiền 150.000.000 đồng x (12 tháng) x 0,83%/ tháng = 14.940.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà H và ông T liên đới trả cho chị Ng số tiền là 164.940.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc Ng.

[8]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn chị Ng được chấp nhận nên chị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.768.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.247.000 đồng.

[10]. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc Ng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T liên đới trả tiền vay còn nợ vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 14.940.000 đồng. Tổng cộng là 164.940.000 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T liên đới trả tiền vay còn nợ vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 14.940.000 đồng. Tổng cộng là 164.940.000 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng) cho chị Trần Ngọc Ng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.247.000 đồng (Tám triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Chị Trần Ngọc Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.768.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001555, ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND huyện Lấp Vò;
- CC THA dân sự huyện Lấp Vò;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mân